

Bản án số: 91/2021/DS-ST

Ngày 18/11/2021

V/v Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Khu C, phường H, quận M, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hồng N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện Ia G.

(Theo Quyết định uỷ quyền số 7300/QĐNHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C về việc uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án)

Người được uỷ quyền lại: Ông Huỳnh Xuân T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện Ia G(có mặt).

(Theo văn bản uỷ quyền số 53A/QĐ-NHCS ngày 01/10/2019)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn V, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng C cho bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H vay hai khoản cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất: căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngày 01/11/2013 của UBND xã Ia, ngày 06/11/2013 đã cho bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H (con gái bà Q) vay vốn theo Chương trình Học sinh, Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 11.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 6600004200071454 với lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/8/2019. Theo thỏa thuận bà Q phải có trách nhiệm trả lãi hàng tháng và trả gốc cho Ngân hàng 06 tháng/lần kể từ ngày vay. Tuy nhiên đến hạn bà Q không chỉ trả cho Ngân hàng được 3.000.000đ nên Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn với lãi suất 0,845%/tháng từ ngày 06/12/2019.

Khoản vay thứ hai: căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngày 21/3/2015 của UBND xã Ia, ngày 24/3/2015 đã cho bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H (con gái bà Q) vay vốn theo Chương trình hộ nghèo số tiền 40.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 66000042000703735675 với lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/3/2018. Theo thỏa thuận bà Q phải có trách nhiệm trả lãi hàng tháng và trả gốc cho Ngân hàng 12 tháng/lần kể từ ngày vay. Tuy nhiên đến hạn bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo phân kỳ nên Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn với lãi suất 0,78%/tháng từ ngày 24/3/2019.

Nay Ngân hàng yêu rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản nợ theo Chương trình học sinh, sinh viên; đề nghị Tòa án buộc bà Q và chị H phải trả cho Ngân hàng khoản vay theo Chương trình hộ nghèo: Tiền nợ gốc: 40.000.000đ, lãi trong hạn là 236.712đ, lãi quá hạn là 8.247.058đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng C 40.000.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 236.712đ, lãi quá hạn là 8.247.058đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 48.483.770đ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền nợ gốc và lãi của số tiền 8.000.000đ theo Chương trình học sinh, sinh viên. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng C khởi kiện bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) ngày 06/11/2013 theo Chương trình Học sinh, sinh viên và ngày 24/3/2015 theo Chương trình Hộ nghèo. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng vay ngày 06/11/2013 đối với khoản vay theo Chương trình Học sinh, sinh viên. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[3]. Xét Hợp đồng tín dụng ngày 24/3/2015 theo Chương trình Hộ nghèo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ bị đơn thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên ngày 10/5/2021 Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc còn lại của khoản vay theo Chương trình hộ nghèo là 40.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong các hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng theo Chương trình Hộ nghèo (lãi trong hạn 7,2%/năm, lãi quá hạn 9,36%/năm) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/11/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lãi trong hạn là 236.712đ, lãi quá hạn là 8.247.058đ của hợp đồng tín dụng theo Chương trình Hộ nghèo như đại diện phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản vay theo Chương trình Hộ nghèo: 40.000.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 236.712đ, lãi quá hạn là 8.247.058đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 48.483.770đ.

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là $48.483.770đ \times 5\% = 2.424.188đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 288, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội 40.000.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 236.712đ, lãi quá hạn là 8.247.058đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là **48.483.770đ** (bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền nợ gốc và lãi của số tiền vay theo Chương trình học sinh, sinh viên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/11/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu **2.424.188đ** (hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

–

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thị Mỹ

Đặng Chí Công